

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Long Bien Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
15/25
Có hiệu lực từ
Effective from
02 JUL 2025
Được xuất bản vào
Published on
11 JUN 2025

ĐIỀU CHỈNH, ĐỔI TÊN VÀ PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC CÁC VỊ TRÍ ĐỖ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BÌ (VVCB)

1 GIỚI THIỆU

Ngày 8/1/2025, tập bổ sung AIP SUP 01/25 đã được phát hành để thông báo về việc tạm ngừng khai thác các vị trí đỗ từ 15 đến 20 tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi (VVCB).

Ngày 13/5/2025, tập bổ sung AIP SUP 11/25 đã được phát hành để thông báo về việc thi công mở rộng sân đỗ tàu bay tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi (VVCB).

Hiện nay, Cảng HKQT Cát Bi đang trong quá trình thi công dự án mở rộng sân đỗ tàu bay. Nhằm đảm bảo an toàn khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí, đổi tên các vị trí đỗ, tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về các nội dung sau:

- Điều chỉnh và đổi tên các vị trí đỗ.
- Phương thức khai thác các vị trí đỗ, phương thức vận hành tàu bay trong thời gian thi công và sau khi hoàn thành đổi tên các vị trí đỗ.

Ghi chú:

- Từ 1700 ngày 2/7/2025 đến 1659 ngày 09/7/2025: Cảng HKQT Cát Bi không thực hiện nhiệm vụ sân bay dự bị. Trong thời gian nêu trên, Cảng HKQT Vân Đồn thực hiện nhiệm vụ sân bay dự bị.
- Từ 1700 ngày 9/7/2025: Cảng HKQT Cát Bi thực hiện nhiệm vụ sân bay dự bị bình thường.

2 CHI TIẾT

2.1 Đổi tên các vị trí đỗ bao gồm 2 giai đoạn

Ghi chú: Cảng HKQT Cát Bi bố trí xe follow-me (miễn phí) dẫn tàu bay từ đường lăn N4 vào các vị trí đỗ trong thời gian thi công.

2.1.1 Giai đoạn 1: Từ 1700 ngày 2/7/2025 đến 1659 ngày 5/7/2025

2.1.1.1 Khu vực tạm ngừng khai thác: Các vị trí đỗ 1, 2, 3 và 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 hiện hữu.

2.1.1.2 Đổi tên các vị trí đỗ

ADJUSTMENT, RENAMING AND OPERATIONAL PROCEDURES OF AIRCRAFT STANDS AT CAT BI INTERNATIONAL AIRPORT (VVCB)

1 INTRODUCTION

On 8 JAN 2025, this AIP SUP 01/25 was published to notify the temporary closure of aircraft stands from 15 to 20 at Cat Bi International Airport (VVCB).

On 13 MAY 2025, this AIP SUP 11/25 was published to notify the construction to extend apron at Cat Bi International Airport (VVCB).

Currently, Cat Bi International Airport is still in the progress of extending apron. In order to ensure operational safety and facilitate the arrangement, renaming of aircraft stands, this AIP Supplement aims at notifying the following contents:

- Adjustment and renaming of aircraft stands.
- Operational procedures of aircraft stands, aircraft taxiing procedures during construction period and after completing of renaming stands.

Note:

- From 1700 on 2 JUL 2025 to 1659 on 9 JUL 2025: Cat Bi International Airport is not used as an alternative aerodrome. During that period, Van Don International Airport will serve as an alternate aerodrome.
- From 1700 on 9 JUL 2025: Cat Bi International Airport is available for using as an alternate aerodrome.

2 DETAILS

2.1 Renaming of aircraft stands including 2 phases

Note: Cat Bi International Airport arranges follow-me car (free of charge) to lead the aircraft from TWY N4 to stands during construction period.

2.1.1 Phase 1: From 1700 on 2 JUL 2025 to 1659 on 5 JUL 2025

2.1.1.1 Temporarily closed areas: Existing stands 1, 2, 3 and 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.

2.1.1.2 Renaming of aircraft stands

Tên các vị trí đỗ hiện hữu Existing aircraft stands	Tên các vị trí đỗ sau khi điều chỉnh Aircraft stands after renaming
20	1
19	2
18	3
17	4

Tên các vị trí đỗ hiện hữu Existing aircraft stands	Tên các vị trí đỗ sau khi điều chỉnh Aircraft stands after renaming
16	5
15	6
14	7
13	8
12	9
3	19
2	20
1	21

2.1.1.3 Phương thức khai thác các vị trí đỗ

Khai thác các vị trí đỗ hiện hữu 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A

- Đối với tàu bay hạ cánh: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
- Đối với tàu bay cất cánh: Tàu bay được đẩy ra vệt lăn trên sân đỗ để khởi hành.

2.1.1.4 Phương thức vận hành tàu bay

a) Đối với tàu bay đến

- Đường CHC 07: Đường CHC → Đường lăn N1, quay đầu sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ (các vị trí đỗ 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A hiện hữu). Hoặc: Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ (các vị trí đỗ 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A hiện hữu).
- Đường CHC 25: Đường CHC → Đường lăn N7, quay đầu sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ (các vị trí đỗ 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A hiện hữu). Hoặc: Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ (các vị trí đỗ 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A hiện hữu).

b) Đối với tàu bay khởi hành

Đường CHC 07

- Tàu bay tại các vị trí đỗ 4A, 5, 5A được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn (mũi tàu bay quay hướng Đông) → Đường lăn W3 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 07 → Đường lăn N7, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC 07 → Khởi hành.
- Tàu bay tại các vị trí đỗ 8, 9, 10, 11 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn → Đường lăn W3/W4 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 07 → Đường lăn N7, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC 07 → Khởi hành.

Đường CHC 25

- Tàu bay tại các vị trí đỗ 4A, 5, 5A được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn (mũi tàu bay quay hướng Đông) → Đường lăn W3 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 25 → Đường lăn N1, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC 25 → Khởi hành.
- Tàu bay các tại vị trí đỗ 8, 9, 10, 11 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn → Đường lăn W3/W4 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 25 → Đường lăn N1, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC 25 → Khởi hành.

2.1.1.3 Operational procedures of aircraft stands

Operate existing stands 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A

- For landing aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
- For take-off aircraft: Aircraft are pushed to taxilane on apron for departure.

2.1.1.4 Aircraft taxiing procedures

a) For arrival aircraft

- RWY 07: RWY → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands (existing stands 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A). Or: RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands (existing stands 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A).
- RWY 25: RWY → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands (existing stands 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A). Or: RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3 → Apron → via taxilane into stands (existing stands 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A).

b) For departure aircraft

RWY 07

- Aircraft at stands 4A, 5, 5A are pushed back from stand into taxilane (the nose of the aircraft face East) → TWY W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY 07 for departure.
- Aircraft at stands 8, 9, 10, 11 are pushed back from stand into taxilane → TWY W3/W4 → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY 07 for departure.

RWY 25

- Aircraft at stands 4A, 5, 5A are pushed back from stand into taxilane (the nose of the aircraft face East) → TWY W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY 25 for departure.
- Aircraft at stands 8, 9, 10, 11 are pushed back from stand into taxilane → TWY W3/W4 → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY 25 for departure.

2.1.2 Giai đoạn 2: Từ 1700 ngày 5/7/2025 đến 1659 ngày 9/7/2025

2.1.2.1 Khu vực tạm ngừng khai thác: Các vị trí đỗ 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A hiện hữu.

2.1.2.2 Đổi tên lại các vị trí đỗ

2.1.2 Phase 2: From 1700 on 5 JUL 2025 to 1659 on 9 JUL 2025

2.1.2.1 Temporarily closed areas: Existing stands 4A, 5, 5A, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11A.

2.1.2.2 Renaming of aircraft stands

Tên các vị trí đỗ hiện hữu Existing aircraft stands	Tên các vị trí đỗ sau khi điều chỉnh Aircraft stands after renaming
10	12
9	13
8	14
7	15
6	16

- Xóa toàn bộ sơn kẻ liên quan đến vị trí đỗ 5 hiện hữu.
- Xóa bỏ vị trí đỗ 4A, 5A hiện hữu, sơn kẻ định vị thành vị trí đỗ 18, 17 mới tương ứng.
- Xóa bỏ vị trí đỗ 11, 11A hiện hữu, sơn kẻ định vị thành vị trí đỗ 10 mới tương ứng.

2.1.2.3 Thiết lập vị trí đỗ 11 mới sử dụng cho tàu bay code E.

2.1.2.4 Khu vực đưa vào khai thác

6 vị trí đỗ đã hoàn thành sơn kẻ tại giai đoạn 1 theo tên gọi mới bao gồm các vị trí đỗ 7, 8, 9, 19, 20, 21.

- Đối với tàu bay hạ cánh: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
- Đối với tàu bay cất cánh: Tàu bay được đẩy ra vệt lăn trên sân đỗ để khởi hành.

2.1.2.5 Phương thức vận hành tàu bay

a) Đối với tàu bay đến

- Đường CHC 07: Đường CHC → Đường lăn N1, quay đầu sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → các vị trí đỗ
Hoặc: Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ.
- Đường CHC 25: Đường CHC → Đường lăn N7, quay đầu sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ. Hoặc: Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vệt lăn vào vị trí đỗ.

b) Đối với tàu bay khởi hành

Đường CHC 07

- Tàu bay từ các vị trí đỗ 19, 20, 21 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn (mũi tàu bay quay hướng Đông) → Đường lăn W3 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 07 → Đường lăn N7, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC 07 → Khởi hành.
- Tàu bay từ các vị trí đỗ 7, 8, 9 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn → Đường lăn W3/W4 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 07 → Đường lăn N7, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC 07 → Khởi hành.

Đường CHC 25

- Removal of markings associated with existing stand 5.
- Removal of existing stands 4A, 5A, marking new stands 18, 17 accordingly.
- Removal of existing stands 11, 11A, marking new stand 10 accordingly.

2.1.2.3 Establishment of new stand 11 used for aircraft code E.

2.1.2.4 Area put into operation

6 stands have been completed in Phase 1 with new name including stands 7, 8, 9, 19, 20, 21.

- For landing aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
- For take-off aircraft: Aircraft are pushed to taxilane on apron for departure

2.1.2.5 Aircraft taxiing procedures

a) For landing aircraft

- RWY 07: RWY → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → stands. Or RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands.
- RWY 25: RWY → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands. Or RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands.

b) For departure aircraft

RWY 07

- Aircraft from stands 19, 20, 21 are pushed back from stand into taxilane (the nose of the aircraft face East) → TWY W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY 07 for departure.
- Aircraft from stands 7, 8, 9 are pushed back from stand into taxilane → TWY W3/W4 → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY 07 for departure.

RWY 25

– Tàu bay từ các vị trí đỗ 19, 20, 21 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn (mũi tàu bay quay hướng Đông) → Đường lăn W3 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 25 → Đường lăn N1, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC 25 → Khởi hành. – Tàu bay từ các vị trí đỗ 7, 8, 9 được đẩy lùi từ vị trí đỗ ra vệt lăn → Đường lăn W3/W4 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 25 → Đường lăn N1, quay đầu tại sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC 25 → Khởi hành.	– Aircraft from stands 19, 20, 21 are pushed back from stand into taxilane (the nose of the aircraft face East) → TWY W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY 25 for departure. – Aircraft from stands 7, 8, 9 are pushed back from stand into taxilane → TWY W3/W4 → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY 25 for departure.
2.2 Khu vực thi công (Các khu vực thi công này đã được công bố trong AIP SUP 11/25, phát hành ngày 13/5/2025)	2.2 Construction area (These construction area have been published in AIP SUP 11/25, on 13 MAY 2025)
2.2.1 Khu vực 1: Tiếp tục đến 1659 ngày 11/5/2026 Khu vực tiếp giáp với sân đỗ hiện hữu, phía đầu đường của đường CHC 25, ngăn cách bằng hàng rào. Khu vực thi công không ảnh hưởng đến hoạt động khai thác trên sân đỗ. <u>Ghi chú:</u> Khi đẩy lùi tàu bay ra vệt lăn và mũi tàu bay quay về hướng Tây, thì luồng khí phụt từ động cơ của tàu bay ảnh hưởng đến hàng rào thi công. 2.2.2 Khu vực 2: Từ 1700 ngày 9/7/2025 đến 1659 ngày 7/12/2025 Khu vực tiếp giáp với đường lăn W2 (phía Nam), sân đỗ hiện hữu (Phía Bắc). Khu vực thi công ảnh hưởng đến các vị trí đỗ 19, 20, 21 theo tên mới.	2.2.1 Area 1: Continue until 1659 on 11 MAY 2026 The area is adjacent to the existing apron, toward the beginning of RWY 25, separated by the fence. Construction area do not affect the aircraft operation on apron. <u>Note:</u> When the aircraft are pushed back into taxilane, with its nose facing West, the jet blast from the engines may affect the construction fence. 2.2.2 Area 2: From 1700 on 9 JUL 2025 to 1659 on 7 DEC 2025. The area is adjacent to TWY W2 (South), existing apron (North). Construction area affect stands 19, 20, 21 with new name.
2.3 Phương thức khai thác, phương thức vận hành tàu bay sau khi hoàn thành đổi tên các vị trí đỗ: Từ 1700 ngày 9/7/2025	2.3 Operational procedures, aircraft taxiing procedures after completing of renaming stands: From 1700 on 9 JUL 2025
2.3.1 Phương thức khai thác các vị trí đỗ – Số lượng các vị trí đỗ tàu bay thương mại sau điều chỉnh: Tổng cộng 21 vị trí đỗ, cụ thể như sau: Vị trí đỗ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21. – Khai thác đồng thời 17 vị trí đỗ cho tàu bay code C (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 m như A321, A320 và tương đương trở xuống) bao gồm các vị trí đỗ 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 hoặc: – Khai thác đồng thời 8 vị trí đỗ cho tàu bay code C (tàu bay có sải cánh đến dưới 36 m như A321, A320 và tương đương trở xuống) bao gồm các vị trí đỗ 6, 7, 8, 9, 18, 19, 20, 21 và 5 vị trí đỗ cho tàu bay code E (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 m như A350, B787 và tương đương trở xuống) bao gồm các vị trí đỗ 2, 4, 11, 14, 16.	2.3.1 Operational procedures of aircraft stands – Number of commercial aircraft stands after adjustment: Total of 21 stands, including 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21. – Simultaneously operate 17 stands for aircraft up to code C (aircraft with wingspan up to but not including 36 m such as A321, A320 and equivalent) including stands 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 or; – Simultaneously operate 8 stands for aircraft up to code C (aircraft with wingspan up to but not including 36 m such as A321, A320 and equivalent) including stands 6, 7, 8, 9, 18, 19, 20, 21 and 5 stands for aircraft up to code E (aircraft with wingspan up to but not including 65 m such as A350, B787 and equivalent) including stands 2, 4, 11, 14, 16.
2.3.2 Các khu vực tạm ngừng khai thác a) Các vị trí đỗ từ 1 đến 6: Tiếp tục tạm ngừng khai thác đến 1659 ngày 10/2/2026. <u>Ghi chú:</u> Tạm ngừng khai thác các vị trí đỗ từ 15 đến 20 (tên cũ) đã được công bố tại AIP SUP 01/25. b) Các vị trí đỗ từ 19 đến 21: Từ 1700 ngày 9/7/2025 đến 1659 ngày 7/12/2025.	2.3.2 Temporarily closed areas a) Stands from 1 to 6: Temporarily continuous closed until 1659 on 10 FEB 2026. <u>Note:</u> Temporary closure of aircraft stands from 15 to 20 (old name) have been published in AIP SUP 01/25. b) Stands from 19 to 21: From 1700 on 9 JUL 2025 to 1659 on 7 DEC 2025.

2.3.3 Tọa độ và phương thức khai thác các vị trí đỗ

2.3.3 Coordinates and aircraft operational procedures for stands

Tên mới New name	Tên cũ Old name	Tọa độ, Phương thức khai thác Coordinates, operational procedures	Hạn chế khai thác Operational limitation
1	20	Tọa độ: 204913.11B 1064314.60Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống) Coordinates: 204913.11N 1064314.60E Aircraft up to code C (A320, A321 and equivalent).	Khai thác vị trí đỗ 1 thì không khai thác vị trí đỗ 2. Operate stand 1, do not operate stand 2.
2	19	Tọa độ: 204913.27B 1064315.16Đ Tàu bay Code E (A350, B787 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204913.27N 1064315.16E Aircraft up to code E (A350, B787 and equivalent)	Khai thác vị trí đỗ 2 thì không khai thác vị trí đỗ 1 và 3. Operate stand 2, do not operate stands 1 and 3.
3	18	Tọa độ: 204913.65B 1064316.42Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống) Coordinates: 204913.65N 1064316.42E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent)	Khai thác vị trí đỗ 3 thì không khai thác vị trí đỗ 2 và 4. Operate stand 3, do not operate stands 2 and 4.
4	17	Tọa độ: 204914.06B 1064317.80Đ Tàu bay Code E (A350, B787 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204914.06N 1064317.80E Aircraft up to Code E (A350, B787 and equivalent).	Khai thác vị trí đỗ 4 thì không khai thác vị trí đỗ 3 và 5. Operate stand 4, do not operate stands 3 and 5.
5	16	Tọa độ: 204914.19B 1064318.23Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204914.19N 1064318.23E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khai thác vị trí đỗ 5 thì không khai thác vị trí đỗ 4. Operate stand 5, do not operate stand 4.
6	15	Tọa độ: 204914.80B 1064320.24Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204914.80N 1064320.24E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	

Tên mới New name	Tên cũ Old name	Tọa độ, Phương thức khai thác Coordinates, operational procedures	Hạn chế khai thác Operational limitation
7	14	Tọa độ: 204915.24B 1064321.72Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204915.24N 1064321.72E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 m và chiều dài thân nhỏ hơn 40 m mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi (ký hiệu G650) dành riêng cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 8 với các điều kiện: – Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 6 và 8. – Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định. When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 m and the length up to but not including 40 m without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft (symbol G650) only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 8 with the following conditions: – There is no aircraft parking at stands 6 and 8. – Vehicle and equipment are not allowed to operate, stop or park in areas or service roads affected by the jet blast from the engines of self-taxiing aircraft and must ensure a safe distance to the aircraft in accordance with regulations.
8	13	Tọa độ: 204915.68B 1064323.20Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204915.68N 1064323.20E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	
9	12	Tọa độ: 204916.13B 1064324.69Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204916.13N 1064324.69E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 m và chiều dài thân nhỏ hơn 40 m mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi (ký hiệu G650) dành riêng cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 8 với các điều kiện: – Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 8 và 10. – Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định. When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 m and the length up to but not including 40 m without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft (symbol G650) only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 8 with the following conditions: – There is no aircraft parking at stands 8 and 10. – Vehicle and equipment are not allowed to operate, stop or park in areas or service roads affected by the jet blast from the engines of self-taxiing aircraft and must ensure a safe distance to the aircraft in accordance with regulations.

Tên mới New name	Tên cũ Old name	Tọa độ, Phương thức khai thác Coordinates, operational procedures	Hạn chế khai thác Operational limitation
10	11	Tọa độ: Sẽ thông báo sau Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: To be developed Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 10 thì không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 11. Khi khai thác tàu bay có sải cánh nhỏ hơn 36 m và chiều dài thân nhỏ hơn 40 m mà không có cần kéo đẩy phù hợp thì khai thác tàu bay tại vị trí vạch dừng bánh mũi (ký hiệu G650) dành riêng cho tàu bay vận hành theo phương thức tự lăn vào, tự lăn ra qua vị trí đỗ 8 với các điều kiện hạn chế sau: – Không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 9, 11, 12. – Xe và trang thiết bị không được hoạt động, dừng hoặc đỗ trong các khu vực hoặc đường công vụ bị ảnh hưởng từ luồng khí thổi từ động cơ của tàu bay tự lăn ra và phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến tàu bay theo quy định. – Cần cảnh giới khoảng cách an toàn đến đầu mút cánh tàu bay khi khai thác vị trí đỗ 14 cho tàu bay code E (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 m như A350, B787). Operate aircraft at stand 10, do not operate at stand 11;. When operating aircraft with wingspan up to but not including 36 m and the length up to but not including 40 m without suitable tow bar, operate aircraft at the stop line of the aircraft (symbol G650) only used for aircraft following self-taxi in and out procedures cross stand 8 with the following conditions: – There is no aircraft parking at stands 9, 11, 12. – Vehicle and equipment are not allowed to operate, stop or park in areas or service roads affected by the jet blast from the engines of self-taxiing aircraft and must ensure a safe distance to the aircraft in accordance with regulations. – It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when operating stand 14 for aircraft code E (aircraft with wingspan up to but not including 65 m such as A350, B787).
	11A	Xóa bỏ Removal	
11		Tọa độ: Sẽ thông báo sau Tàu bay Code E (A350, B787 và tương đương trở xuống). Coordinates: To be developed Aircraft up to Code E (A350, B787 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay code E tại vị trí đỗ 11: – Không khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 10, 12. – Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác đồng thời 2 tàu bay code E và tương đương (như A350, B787) tại vị trí đỗ 11 và 14. – Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác tàu bay code C và tương đương trở xuống (như A320, A321) tại vị trí đỗ 13. Operate aircraft code E at stand 11: – Do not operate aircraft at stands 10, 12. – It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when simultaneously operating 2 aircrafts code E (such as A350, B787) and equivalent at stands 11 and 14. – It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when operating aircraft up to code C (such as A320, A321) and equivalent at stand 13.
12	10	Tọa độ: 204917.11B 1064327.96Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204917.11N 1064327.96E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 12 thì không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ 11. Operate aircraft at stand 12, do not operate aircraft at stand 11.
13	9	Tọa độ: 204916.95B 1064329.64Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204916.95N 1064329.64E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 13: – Không khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 14. – Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác tàu bay có sải cánh đến dưới 65 m trở xuống (như A350, B787) tại vị trí đỗ 11. Operate aircraft at stand 13: – Do not operate aircraft at stand 14. – It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when operating aircraft with wingspan up to but not including 65 m (such as A350, B787) at stand 11.

Tên mới New name	Tên cũ Old name	Tọa độ, Phương thức khai thác Coordinates, operational procedures	Hạn chế khai thác Operational limitation
14	8	Tọa độ: 204917.70B 1064329.75Đ Tàu bay Code E (A350, B787 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204917.70N 1064329.75E Aircraft up to Code E (A350, B787 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 14: – Không khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 13, 15. – Cần cảnh giới đầu cánh tàu bay khi khai thác đồng thời 3 tàu bay code E (tàu bay có sải cánh đến dưới 65 m như A350, B787) tại các vị trí đỗ 11, 14 và 16. Operate aircraft at stand 14: – Do not operate aircraft at stands 13, 15. – It is necessary to keep a safe distance to the wingtip of the aircraft when simultaneously operating 3 aircrafts code E (aircraft with wingspan up to but not including 65 m such as A350, B787) at stand 11, 14 and 16.
15	7	Tọa độ: 204917.38B 1064331.08Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204917.38N 1064331.08E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 15: – Không khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 14. – Không khai thác tàu bay code E tại vị trí đỗ 16. Operate aircraft at stand 15: – Do not operate aircraft at stand 14. – Do not operate aircraft code E at stand 16.
16	6	Tọa độ: 204918.46B 1064332.29Đ Tàu bay Code E (A350, B787 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204918.46N 1064332.29E Aircraft up to Code E (A350, B787 and equivalent).	Khi khai thác vị trí đỗ 16 cho tàu bay code E thì không khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 15, 17. Operate aircraft code E at stand 16, do not operate aircraft at stands 15, 17.
	5	Xóa bỏ Removal	
17	5A	Tọa độ: Sẽ thông báo sau Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: To be developed Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	Khi khai thác tàu bay tại vị trí đỗ 17: – Không khai thác tàu bay Code E tại vị trí đỗ 16. – Chỉ khai thác tàu bay có sải cánh đến dưới 36 m (như A321, A320 và tương đương trở xuống) tại vị trí đỗ 16. Operate aircraft at stand 17: – Do not operate aircraft Code E at stand 16. – Only operate aircraft with wingspan up to but not including 36 m (such as A321, A320 and equivalent) at stand 16.
18	4A	Tọa độ: Sẽ thông báo sau Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: To be developed Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	
19	3	Tọa độ: 204919.99B 1064337.58Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204919.99N 1064337.58E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	
20	2	Tọa độ: 204920.43B 1064339.06Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204920.43N 1064339.06E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	

Tên mới New name	Tên cũ Old name	Tọa độ, Phương thức khai thác Coordinates, operational procedures	Hạn chế khai thác Operational limitation
21	1	Tọa độ: 204920.88B 1064340.54Đ Tàu bay Code C (A320, A321 và tương đương trở xuống). Coordinates: 204920.88N 1064340.54E Aircraft up to Code C (A320, A321 and equivalent).	

2.3.4 Phương thức vận hành tàu bay

Ghi chú: Không áp dụng phương thức vận hành tàu bay đối với tàu bay khởi hành tại các vị trí đỗ đang tạm ngừng khai thác theo các giai đoạn ở mục 2.3.2 trên.

a) Đối với tàu bay đến

- Đường CHC 07: Đường CHC → Đường lăn N1, quay đầu sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vết lăn vào vị trí đỗ. Hoặc: Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vết lăn A vào vị trí đỗ.
- Đường CHC 25: Đường CHC → Đường lăn N7, quay đầu sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vết lăn vào vị trí đỗ. Hoặc: Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn N → Đường lăn W3/W4 → Sân đỗ → theo vết lăn A vào vị trí đỗ.

b) Đối với tàu bay khởi hành

Đường CHC 07

- Dùng xe kéo đẩy đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ 1 đến 16 ra vết lăn A → Đường lăn W4/W3 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 07 → Đường lăn N7, quay đầu sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC 07 → Khởi hành.
- Dùng xe kéo đẩy đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ 17, 18, 19, 20, 21 ra vết lăn A → Đường lăn W3 (mũi tàu bay quay hướng Đông) → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 07 → Đường lăn N7, quay đầu sân quay đầu đường CHC 07 → Đường CHC 07 → Khởi hành.

Đường CHC 25

- Dùng xe kéo đẩy đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ 1 đến 16 ra vết lăn A → Đường lăn W4/W3 → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 25 → Đường lăn N1, quay đầu sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC 25 → Khởi hành.
- Dùng xe kéo đẩy đẩy tàu bay từ các vị trí đỗ 17, 18, 19, 20, 21 ra vết lăn A → Đường lăn W3 (mũi tàu bay quay hướng Đông) → Đường lăn N → Đường lăn N4 → Đường CHC 25 → Đường lăn N1, quay đầu sân quay đầu đường CHC 25 → Đường CHC 25 → Khởi hành.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 1700 ngày 2/7/2025 đến 1659 ngày 11/5/2026.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ hủy bỏ các Tập bổ sung: 01/25, 11/25.

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

Tập bổ sung AIP này gồm 4 phụ đính như sau:

Sơ đồ mặt bằng điều chỉnh và đổi tên các vị trí đỗ (Thi công giai đoạn 1): Từ 1700 ngày 2/7/2025 đến 1659 ngày 5/7/2025

2.3.4 Aircraft taxiing procedures

Note: Do not apply the aircraft taxiing procedures for departing aircraft at stands which are temporarily closed at item 2.3.2 above.

a) For landing aircraft

- RWY 07: RWY → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands. Or: RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane A into stands.
- RWY 25: RWY → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane into stands. Or: RWY → TWY N4 → TWY N → TWY W3/W4 → Apron → via taxilane A into stands.

b) For departure aircraft

RWY 07

- Using tow tractor to push aircraft from stands 1 to 16 into taxilane A → TWY W4/W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY 07 for departure.
- Using tow tractor to push aircraft from stands 17, 18, 19, 20, 21 into taxilane A → TWY W3 (the nose of the aircraft face East) → TWY N → TWY N4 → RWY 07 → TWY N7, backtrack at turn pad area of RWY 07 → RWY 07 for departure.

RWY 25

- Using tow tractor to push aircraft from stands 1 to 16 into taxilane A → TWY W4/W3 → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY 25 for departure.
- Using tow tractor to push aircraft from stands 17, 18, 19, 20, 21 into taxilane A → TWY W3 (the nose of the aircraft face East) → TWY N → TWY N4 → RWY 25 → TWY N1, backtrack at turn pad area of RWY 25 → RWY 25 for departure.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 1700 on 2 JUL 2025 to 1659 on 11 MAY 2026.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement supersedes AIP SUPs: 01/25, 11/25.

Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

This AIP Supplement consists of 4 attachments as follows:

Layout of adjustment and renaming of aircraft (Construction phase 1): From 1700 on 2 JUL 2025 to 1659 on 5 JUL 2025

Sơ đồ mặt bằng điều chỉnh và đổi tên các vị trí đỗ (Thi công giai đoạn 2): Từ 1700 ngày 5/7/2025 đến 1659 ngày 9/7/2025

Sơ đồ mặt bằng sau khi hoàn thành đổi tên các vị trí đỗ và thi công khu vực 1, 2: Từ 1700 ngày 9/7/2025 đến 1659 ngày 7/12/2025

Sơ đồ mặt bằng thi công khu vực 1: Từ 1700 ngày 7/12/2025 đến 1659 ngày 11/5/2026

- HẾT -

Layout of adjustment and renaming of aircraft (Construction phase 2): From 1700 on 5 JUL 2025 to 1659 on 9 JUL 2025

Layout after completing of renaming stands and construction area 1, area 2: From 1700 on 9 JUL 2025 to 1659 on 7 DEC 2025

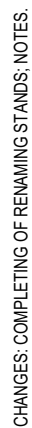
Layout of construction area 1: From 1700 on 7 DEC 2025 to 1659 on 11 MAY 2026

- END -





HAI PHONG/CAT BI INTL (VVIC)



HAI PHONG/CAT BI INTL (VVIC)

